

Bản án số: 44/2020/HS-PT
Ngày 26 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà và ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Lê Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2020/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Trần Văn Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2020/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Văn Q, sinh năm 1992 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1, sinh năm 1973 và bà Lâm Thị M, sinh năm 1974; có vợ là Nguyễn Thị H2, sinh năm 1997 và có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018). Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân:

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 44/2019/HS-PT ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”.

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 08/2015/HS-PT ngày 06/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù theo Bản án hình sự phúc thẩm số 44/2019/HS-PT ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thời hạn tính từ ngày 02/8/2018.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H3, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Thái Hưng - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị cáo không có kháng cáo được Tòa án triệu tập:

Họ và tên: Trần Văn D, sinh năm 1998; trú tại: Thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

Bị hại: Ông Trần Văn B, sinh năm 1976; trú tại: Thôn Đ, xã Đ1, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu sai cá nhân nên sáng ngày 12/6/2018, Trần Văn D lấy căn cước công dân (D gọi là chứng minh thư nhân dân) của ông Trần Văn B (là bố đẻ của D), mục đích để D bảo người gọi điện thoại cho ông B dọa ông B để chiếm đoạt tiền của ông B. D biết Trần Văn Q làm ở quán karaoke, nhận cầm đồ và đòi nợ thuê có nick Facebook (sau đây viết tắt là FB) là “Dân chơi Cửu Yên” (tháng 7/2018 Q đổi tên nick FB thành “Ngước mắt nhìn đời”), là bạn bè với người có nick “Hung Bac”, nên D vào mạng xã hội lập FB lấy tên “Hung Bac”, rồi copy ảnh một nam thanh niên có xăm hình ở người trên trang mạng xã hội (D không quen biết, không biết tên, tuổi, địa chỉ của thanh niên này) đặt làm ảnh đại diện của nick FB “Hung Bac”, rồi D nhắn tin qua message FB với FB của Q. Lúc đầu D hỏi thăm tình hình của Q, Q xin số điện thoại của D thì D đồng ý rồi nhắn tin cho Q số điện thoại của mình: 01694193135. Sau đó D nhắn cho Q nội dung: “em giúp anh một việc được không, thằng em của anh bây giờ có thằng nó cầm chứng minh thư, hộ khẩu, 2 cái chứng minh thư, bây giờ em nhắn tin vào số bố nó cầm tiền lấy không lãi cả ngày cao”, thì Q đồng ý và nhắn lại “nhưng anh phải kể hết đầu đuôi ra tên gì ở đâu cầm bao nhiêu tiền”, D nhắn tiếp cho Q: “Trần Văn D SN 20.8.1998 quê ở Đ1, T, Vĩnh Phúc cùng quê em, Trần Văn B SN 15/01/1976 cùng quê trên”, thì Q nhắn lại “số tiền phải trả là bao nhiêu” D nhắn lại “cầm 02 CMT 25 triệu, tổng cả lãi là 33 triệu, nếu không trả tối nay lên 50 triệu, cảnh báo lo tiền trả tối nay, em giúp được anh chuyện này không, em làm được không em, em ời không làm được báo anh chứ”. Q nhắn lại “bây giờ báo tên em à, có gì chả được dễ mà nghề em mà”, D nhắn tiếp “dọa, em hiểu anh nói không”, ý D bảo Q gọi điện thoại cho ông B dọa để ông B sợ cầm tiền xuống chuộc căn cước công dân, Q nhắn lại “thế anh gửi số đi mà cầm ở cửa hàng nào”. Do không cầm căn cước công dân cho ai nên D nhắn lại cho Q nội dung trên và số điện thoại của ông B là 0964895716 và bảo Q tiếp tục dọa ông B nội dung “đang bắt con ông đánh một trận rồi, chúng nói cho gia đình biết để còn xử lý”, mục đích để ông B sợ hãi lo tiền cầm đến chỗ Q để chuộc căn cước công dân thì Q nhắn lại “ok tý em bảo thằng ku nó gọi, nó dọa thì rợn người luôn”, D nhắn tiếp “bảo như anh nói bảo luôn đi để nó lo tiền trả” thì Q đồng ý nhắn lại “ok anh”. Sau đó, Q dùng số điện thoại 0976890113 của Q gọi vào số điện thoại 0964895716 của ông B nói: “D con ông cầm 02 CMTND tổng cả gốc và lãi là 33 triệu nếu hôm nay không trả thì sẽ lên 50.000.000đ”. Nghe Q nói vậy, ông B nói ‘bây giờ tôi đang đi làm tầm trưa mới xuống được’, Q nói “lúc nào chú xuống chú điện cho cháu” nói xong Q tắt máy. Khoảng 12h cùng ngày 12/6/2018, thì D lại nhắn tin cho Q hỏi “tình hình thế nào rồi em”, Q nhắn lại “ông ấy bảo bây giờ ông ấy đang làm, hết giờ làm ông ấy xuống, oke rồi”. Lúc này, D biết Q đã gọi điện thoại cho ông B nên D đã nhiều lần nhắn tin cho

ông B nội dung “con xin bố giúp con lần này, con sẽ ngoan mà bố bố giúp con lần này thôi 5h con phải trả người ta rồi, 33 triệu chiều 5h phải trả đầy đủ không mai lại lên 50.000.000đ bố giúp con làm lại ...bố ơi giúp con với, 5h con phải trả không thì con chết”. Sau khi đi làm về đến nhà, thấy có bà Lý Thị Hiền (là vợ ông B) đang ở nhà và sắp cơm trong bếp để chuẩn bị ăn trưa, ông B hỏi bà Hiền “D đâu” thì bà Hiền nói “D đi xe máy đi đâu rồi”, nghe bà Hiền nói vậy ông B nói thôi chết rồi và kể lại sự việc cho bà Hiền nghe. Sau khi nghe xong cả hai vợ chồng lo lắng và sợ hãi vì D đang bị Q giữ, nếu không trả thì tiền lãi ngày lên cao và sợ Q cho người lên nhà đánh, đập phá tài sản nên hai vợ chồng bàn nhau đi vay tiền để về trả cho Q. Sau đó bà Hiền đi vay được 33.000.000đ về đưa cho ông B 30.000.000đ để đi chuộc căn cước công dân. Ông Bảy gọi điện thoại cho Quảng hỏi gặp D thì Q nói giữ người và xe ở đây không cho gặp mang tiền xuống trả mới cho gặp, nghe Q nói vậy ông B hỏi gặp ở đâu để chuộc căn cước công dân, thì Quảng hẹn ông Bảy đến phòng trọ của Q giáp quán bia Thu Sang gần ngã tư đèn xanh, đèn đỏ thuộc thôn Hợp Thành, xã Hợp Châu, huyện T. Khoảng 14h30’ cùng ngày, ông B chở bà Hiền đi đến gần Trung tâm y tế huyện T thì ông B gọi điện thoại cho Q, Q nói thả D về rồi nên ông B đã gọi điện thoại cho D và bảo đến Trung tâm y tế huyện T để đi chuộc căn cước công dân. D đến rồi cùng ông B đi, còn bà Hiền đứng ở đó đợi. Trên đường đi ông B gọi điện thoại cho Q hỏi “cháu đang ở đâu để chú đến lấy chứng minh nhân dân”. Qua nhắn tin trên FB, Q biết D báo nợ lãi, khi nào lấy được tiền của ông B, D sẽ chia cho Q một nửa nên Q chỉ dẫn ông B đi đến quán bia Thu Sang sẽ có người dẫn vào gặp Q. Sau khi nghe điện thoại của ông B xong, Q nhờ anh Nguyễn Văn D là bạn xã hội của Q đang chơi ở đó đi sang quán bia Thu Sang uống bia, khi nào bố con ông B đến thì chỉ vào phòng trọ gặp Q để lấy căn cước công dân anh D đồng ý. Khi ông B và Trần Văn D đến quán bia Thu Sang, thấy anh Nguyễn Văn D ở đó nên ông B hỏi “anh có phải là người cho cầm chứng minh thư không” thì anh Nguyễn Văn D trả lời “không, Q ở quán bên kia kia”. Lúc này, Trần Văn D một mình đi sang phòng trọ của Q để gặp Q còn ông B ngồi ngoài uống bia cùng anh Nguyễn Văn D. Khi Trần Văn D đi đến cửa phòng Q biết Trần Văn D là người có nick FB “Hung Bac” và là con ông B nhắn cho Q dọa ông B để lấy tiền của ông B nên Q đã hỏi D “chứng minh thư đâu” (mục đích để khi ông B gặp Q chuộc căn cước công dân thì Q sẽ đưa cho ông B và ông B sẽ đưa tiền cho Q). D đưa căn cước công dân bản phô tô của Trần Văn D và bản căn cước công dân của ông B cho Q cầm rồi quay ra quán bia ngồi. Do sợ việc chuộc căn cước công dân diễn ra ở quán của Q thì ông B sẽ phát hiện bị Trần Văn D và Q lừa nên Trần Văn D đi vào gặp Q để lấy căn cước công dân và để bảo Q đi dịch lên trên kia lấy tiền. Thấy Trần Văn D vào, Q hỏi “lấy được tiền chưa”, Trần Văn D trả lời “chưa” và nói “đưa chứng minh thư nhân dân đây rồi đi theo lên trên kia lấy tiền”, nói xong Trần Văn D cầm lấy căn cước công dân và đi ra nói với ông B “bố ơi đi lên trên kia trả tiền rồi về”. Khi nghe Trần Văn D nói vậy, ông B đứng dậy lấy xe chở Trần Văn D đi. Lúc này, Q từ phòng trọ đi sang quán bia gặp anh Nguyễn Văn D và hỏi “thằng con nó đưa tiền cho

anh chưa”, thì anh Nguyễn Văn D nói “nó quen biết gì anh đâu, mà anh biết tiền gì đâu mà nó đưa tiền cho anh”, Q nói “thế bố con nó đi hướng nào”, anh Nguyễn Văn D chỉ tay về hướng chợ H và nói “anh thấy thằng con nó bảo bố đi lên trên kia trả tiền rồi về”. Sau đó Q dắt xe mô tô loại xe Wave của Q tay lái bên trái có treo 01 đèn pin Q bảo anh Nguyễn Văn D đi cùng Q, mục đích để Q lấy tiền của ông B nhưng Q không nói cho anh Nguyễn Văn D biết. Khi đi qua chợ H đến trước cửa quán bán hàng tạp hóa Quyền Huệ thì Q đuổi kịp ông B và Trần Văn D. Q đi ép xe lên phía trước và bảo ông B dừng xe lại, thấy Q đi đến Trần Văn D bảo bố dừng xe lại. Lúc này tất cả vẫn ngồi trên xe mô tô, Q nói “thế bố con nhà ông lấy chứng minh thư nhân dân rồi không trả tiền à” Q vừa nói vừa lấy chiếc đèn pin bấm phát ra tia sáng và kêu lẹt đẹt chỉ về phía người ông B. Nghe Q nói vậy, ông B hỏi lại “thế con tôi cầm chứng minh thư bao nhiêu tiền”, Q nói “con ông cầm chứng minh thư 20.000.000đ cả lãi là 33.000.000đ con ông cầm chứng minh thư rồi mà sao không trả tiền”, còn anh Nguyễn Văn D nói với Trần Văn D “anh có cầm tiền của mày đâu mà mày bảo anh cầm tiền”, Trần Văn D không nói gì xuống xe và đi sang bên kia đường mục đích để cho Q lấy tiền của ông B. Ông B hỏi Q “chứng minh thư đâu”, Q nói “đưa cho con ông rồi, đừng có lằng nhằng”, vừa nói Q vừa chỉ đèn pin về phía người ông B, thì ông B nói “bây giờ vào quán uống nước nói chuyện trả tiền”, anh Nguyễn Văn D nghĩ Trần Văn D con trai ông B cấm cản cước công dân chỗ Q thật nên đã nói với ông B “bố con ông nợ tiền bằng thật ông cầm tiền xuống trả cần gì phải giấu giếm, thôi không phải đi đâu cả cứ trả luôn ở đây cũng được”, tin là có việc con trai cấm cản cước công dân thật nên ông B xuống xe để lấy tiền đưa cho Q. Thấy vậy anh Nguyễn Văn D cũng xuống xe và đi lại gần chỗ ông B đứng. Ông B rút trong túi quần bên trái số tiền 30.000.000đ ra để trả cho Q, ông B nói với Q cho xin 500.000đ đi đường đổ xăng, Q đồng ý và nhờ anh Nguyễn Văn D cầm tiền hộ, lấy được tiền Q điều khiển xe chở anh Nguyễn Văn D về nhà Q. Sau khi đưa tiền cho Q xong, ông B gọi Trần Văn D lại để đi về, D đi đến chỗ ông B thì ông B nói vừa đưa tiền cho Q rồi và hỏi cản cước công dân thì D nói “trong túi quần”. Ông B đi lại lục túi quần D để lấy cản cước công dân, sợ bố đánh nên D đã nói thật cho ông B biết việc mình nói dối để dọa ông B nhằm chiếm đoạt được tiền của ông B. Còn Trần Văn Q sau khi lấy được tiền trên đường đi Q nói với anh Nguyễn Văn D trong số tiền này em phải trả cho Trần Văn D con ông B 15.000.000đ nhưng Q không nói cho anh Nguyễn Văn D biết tại sao Q phải trả lại tiền cho Trần Văn D. Về đến nhà Q anh Nguyễn Văn D đưa tiền cho Q, Q cầm đếm được 29.500.000đ, Q đưa cho anh Nguyễn Văn D cầm 7.000.000đ và nói “anh cầm tiền để em thay quần áo rồi đi ăn”, Q cầm số tiền còn lại đi vào trong buồng cất. Sau đó Q gọi xe taxi đến chở Q, bạn của Q và anh Nguyễn Văn D đi chơi, Q đã chi tiêu hết khoảng hơn 6.000.000đ còn cho anh Nguyễn Văn D 500.000đ để bắt taxi đi lên thị trấn T làm. Số tiền còn lại Q đã tiêu sài cá nhân hết. Sau khi Q lấy được tiền của ông B thì Trần Văn D đã nhắn tin cho Q nội dung “Trả em một ít, trả em 20.000.000đ coi như xong” ý Trần Văn D bảo Q đưa cho D 20.000.000đ còn lại D cho Q nhưng Q

không nhấn lại và cũng không đưa tiền cho D.

Ngày 12/6/2018, ông Trần Văn B và Trần Văn D đã tự nguyện giao nộp cho Công an huyện T 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 màu xanh đã cũ và 01 điện thoại di động NOKIA 1280 màu xanh điểm đen để điều tra làm rõ.

Ngày 13/6/2018, bà Lê Thị Huệ đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 đĩa CD-R nhãn hiệu NEO để điều tra làm rõ.

Ngày 23/3/2019, anh Nguyễn Văn D tự nguyện giao nộp số tiền 500.000đ cho Cơ quan điều tra để điều tra làm rõ.

Ngày 18/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã ra quyết định trưng cầu giám định đĩa DVD xác định đoạn video có bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hay không, mô tả nội dung đoạn video cần giám định và xuất một số hình ảnh. Tại bản kết luận giám định 3938 ngày 30/7/2019 của Viện khoa học hình sự kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tập tin video gửi giám định. Đã trích xuất mô tả được một số hình ảnh và mô tả nội dung trong đoạn video gửi giám định. Chi tiết thể hiện trong bản ảnh giám định kèm theo. Kèm theo Kết luận giám định: 01 bản ảnh giám định gồm 06 trang A4 ghi lại hình ảnh, diễn biến Q đẩu theo ông B và chiếm đoạt tài sản của ông B. Toàn bộ những hình ảnh này phù hợp với lời khai của ông B, Trần Văn D, Nguyễn Văn D và lời khai giai đoạn đầu quá trình giải quyết vụ án của Trần Văn Q.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2020/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 02 năm 03 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại bản án số 44/2019/HSPT ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, buộc Trần Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Trần Văn D, quyết định trách nhiệm dân sự, quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 01 năm 2020 bị cáo Trần Văn Q có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm và tuyên bị cáo không phạm tội vì bị cáo không thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị hại Trần Văn B. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn Q vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Luật sư bào chữa và bị cáo Trần Văn Q có quan điểm:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã vi phạm trong việc xác định tội danh và đánh giá chứng cứ tùy tiện, suy diễn, chủ quan, không căn cứ vào các quy định của pháp luật. Đầu tiên thì khởi tố, điều tra, truy tố Trần Văn Q về tội “Cướp tài sản”, sau đó lại truy tố và chuyển sang Tòa án nhân dân huyện T để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Khi Tòa án nhân dân huyện T thụ lý thì Viện kiểm sát nhân dân lại có văn bản rút hồ sơ và sau đó truy tố Trần Văn Q về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đây là việc làm tùy tiện, vi phạm pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng huyện T vì thực chất Trần Văn Q không phạm tội.

- Chưa có căn cứ xác định FB “Hung Bac” chủ nhân là Trần Văn D, những tin nhắn liên lạc giữa Trần Văn D với Trần Văn Q chưa thể hiện việc có sự ăn chia tiền như cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm quy kết; Trần Văn Q không phải là người chiếm đoạt tiền của bị hại Trần Văn B vì thực tế bị hại B không trực tiếp đưa tiền cho Q mà đưa tiền cho Nguyễn Văn D; Bị hại B không bị ép buộc phải đưa tiền trái ý muốn thể hiện ở việc hành động xin lại 500.000đ; Trần Văn D chỉ lợi dụng và coi Q là công cụ để chiếm đoạt tiền của gia đình mình nên Q không phạm tội mà là nạn nhân của D. Do đó cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm quy kết Trần Văn Q là đồng phạm với Trần Văn D là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Trần Văn Q hoàn toàn đồng ý với những quan điểm do Luật sư bào chữa đưa ra, không có bổ sung gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này việc Cơ quan điều tra Công an huyện T không lập được danh bản, chỉ bản đối với bị cáo Trần Văn Q là chưa phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 179 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án nhân dân huyện T đã có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung yêu cầu lập danh bản, chỉ bản đối với bị cáo Trần Văn Q. Tuy nhiên bị cáo Trần Văn Q không hợp tác với lý do bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội nên không đồng ý cho cơ quan điều tra lập danh bản, do vậy cơ quan điều tra phải lấy danh bản, chỉ bản trong hồ sơ lưu giữ dùng làm căn cứ xác định nhân thân đối với bị cáo. Xét thấy các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định nhân thân của bị cáo, vì vậy việc cơ quan điều tra không lập danh bản, chỉ bản đối với Trần Văn Q không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng khác của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; VKSND huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mặc dù quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn Q có ý kiến về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nhưng không có tài liệu gì chứng minh. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực

hiện điều hợp pháp, đều có giá trị chứng minh hành vi và người thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm của bị hại Trần Văn B đã thể hiện nội dung: Vào sáng ngày 12/6/2018, Trần Văn Q gọi điện thoại cho bị hại yêu cầu trả tiền do Trần Văn D cầm chứng minh thư là 33.000.000đ, không trả tối nay lên 50.000.000đ. Do hoảng sợ bị hại B bảo vợ đi vay tiền và gọi cho Q hẹn chiều xuống trả. Sau đó đến chiều bị hại B gọi cho Q hỏi gặp D, Q trả lời đã thả D rồi. Bị hại B gọi cho D và hai bố con đi cùng vào nhà Q. Khi đến nơi D vào gặp Q còn bị hại ngồi ngoài đợi, sau đó D đi ra bảo lên trên kia trả tiền. Bị hại B và D đi về đến trước cửa hàng tạp hóa ở xã H, Q đèo một người nam giới đuổi theo ép sát xe và yêu cầu dừng xe. Tay phải Q cầm 01 vật gì đó phát ra tia lửa điện bấm kêu lẹt đẹt và chỉ hướng sát vào ngực và bụng bị hại B nói “định trốn à, không đưa tiền đập chết”. Do hoảng sợ bị hại B đưa 30.000.000đ sau đó xin lại 500.000đ. Q đồng ý và bảo người nam giới đi cùng cầm tiền. Khi đưa tiền xong cho Q, bị hại B gọi Trần Văn D lại để đi về, D đi đến nhà đã nói thật về việc D nói dối để dọa nhằm chiếm đoạt tiền. Sau khi biết rõ sự việc bị hại bầy và D đi trình báo cơ quan Công an huyện T.

Lời khai của bị cáo Trần Văn D trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thể hiện rõ việc bàn bạc và cùng với Trần Văn Q chiếm đoạt tiền của bị hại Trần Văn B. Lời khai của Trần Văn D hoàn toàn phù hợp lời khai bị hại B, phù hợp lời khai của Nguyễn Văn D; phù hợp các tài liệu chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình giải quyết vụ án; phù hợp lời khai của người làm chứng, lời khai của người liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra thu thập trong quá trình giải quyết vụ án như: các kết luận giám định hình ảnh, tin nhắn điện thoại và phù hợp với chính lời khai, bản tự khai, bản kiểm điểm của bị cáo Trần Văn Q sau khi sự việc mới xảy ra, thể hiện rõ việc Q cùng với Trần Văn D bàn bạc để chiếm đoạt tài sản của bị hại Trần Văn B.

[4] Xét đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Văn Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn Q không thừa nhận hành vi đã thực hiện, luôn cho rằng việc truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm đối với bị cáo là oan, không có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật như: Bản tự khai do bị cáo Trần Văn Q tự viết, lời khai của chính bị cáo Trần Văn Q khi sự việc mới xảy ra; lời khai của bị hại Trần Văn B trong quá trình giải quyết vụ án; lời khai của Nguyễn Văn D; lời khai của bị cáo Trần Văn D; lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu là kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được Cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật kết hợp với xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Từ đó có đủ căn cứ xác định: Do không có tiền tiêu sài cá nhân, nên Trần Văn D lấy thẻ căn cước của bố mình là ông Trần Văn B mục đích nói dối đã cầm và nhờ người dọa để lấy tiền chuộc của ông B. D tìm và điện thoại cho Trần Văn Q thông qua trao đổi trên Facebook với nội dung nhờ

Q gọi điện thoại dọa ông B để buộc ông B đem theo 33.000.000đ chuộc chứng minh thư cho D. Ông B tưởng thật và sợ D bị bắt giữ, vì không có tiền nên vợ chồng ông B đã vay được 33.000.000đ để gặp Q. Trần Văn Q biết là D bày đặt chuyện kiếm tiền nên yêu cầu nêu xong việc thì D phải chia $\frac{1}{2}$ số tiền chiếm đoạt của ông B. Ông B và D đến chỗ hẹn gặp Q thì D bảo Q đi theo lên trên kia lấy tiền. Ông B đèo D, Q đèo bạn là Nguyễn Văn D đi cùng đến đoạn qua chợ xã H thì Q bảo ông B dừng xe lại và đòi tiền. Trần Văn D đi sang bên kia đường đứng để tạo điều kiện thuận lợi cho Q thực hiện việc lấy tiền, còn Q dùng đèn pin có phát tia điện tạch tạch dí về phía người ông B yêu cầu đưa tiền. Do lo sợ nên ông B đưa cho Q 29.500.000đ. Sau khi Q lấy được tiền Trần Văn D yêu cầu Q trả lại một phần tiền nhưng Q không trả lại D mà tiêu sài hết. Trần Văn D có nhắn tin đòi nhiều lần nhưng Q không trả nên đã nói sự thật với ông B và ông B báo công an giải quyết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Văn Q đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trái pháp luật như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử về tội về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị cáo Trần Văn Q: Quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các tài liệu, chứng cứ thu thập đều hợp pháp, đều có giá trị chứng minh hành vi tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Luật sư bào chữa và bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm mà không có tài liệu, căn cứ gì chứng minh việc có sự vi phạm của cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Do đó đề nghị hủy bản án sơ thẩm không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Xét về những quan điểm của bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng: Về nội dung các cơ quan tiến hành tố tụng liên tục thay đổi tội danh: Bộ luật Tố tụng hình sự quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi do Trần Văn Q thực hiện ban đầu khởi tố về tội “Cướp tài sản”, sau đó chuyển sang tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và sau cùng xét xử về tội “Cưỡng đoạt tài sản” thì việc thay đổi tội danh này là việc làm bình thường của cơ quan tiến hành tố tụng, được luật pháp quy định, xuất phát từ yêu cầu là xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng việc thay đổi tội danh là vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện rõ Trần Văn D là người khởi xướng và Trần Văn Q có vai trò đồng phạm về việc chiếm đoạt tiền của bị hại B (thể hiện tại lời khai bị hại, bị cáo D, người liên quan, người làm chứng, các tin nhắn, đoạn video tại cửa hàng tạp hóa...). Do đó việc Luật sư bào chữa cho rằng Trần Văn Q chỉ là công cụ, là nạn nhân của Trần Văn D trong việc chiếm đoạt tiền của bị hại B là không có căn cứ. Quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo Trần Văn Q có lời nói, hành động làm bị hại B đưa tiền trái ý

muốn cho Nguyễn Văn D cầm, khi về nhà Q thì D đưa toàn bộ số tiền trên cho Q và thực tế chính Q sử dụng toàn bộ số tiền này không trả lại cho bị hại. Hành vi do Q và Trần Văn D thực hiện là chưa sử dụng vũ lực tấn công bị hại, chưa làm bị hại tê liệt hoàn toàn ý chí nên cấu thành tội Cường đoạt tài sản. Quá trình thực hiện tội phạm giữa Q và Trần Văn D có sự bàn bạc, trao đổi qua FB “Hung Bac” về toàn bộ nội dung, cách thức thực hiện tội phạm phù hợp diễn biến của vụ án và được chính bị cáo Trần Văn D thừa nhận là chủ nhân của FB “Hung Bac”. Vì vậy Luật sư cho rằng Q không phải là người chiếm đoạt tiền của bị hại Trần Văn B và chưa có căn cứ xác định Trần Văn D là chủ nhân của FB “Hung Bac” không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Văn Q, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T là có căn cứ cần chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2020/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Cường đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cường đoạt tài sản”, tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 44/2019/HS-PT ngày 22/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, buộc bị cáo Trần Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2018.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Trần Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TTG - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP; Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn